

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Dự án thủy điện Sông Bung 5, tỉnh Quảng Nam

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11;

Căn cứ Luật số 38/2009/QH12 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/06/2018 thông qua;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính, quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 578/QĐ-HĐQT-TVĐ1-SB5 ngày 10/08/2017 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 về việc phê duyệt Tổng dự toán (điều chỉnh cơ cấu) Dự án thủy điện Sông Bung 5, tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 358/QĐ-HĐQT-TVĐ1-TH ngày 27/9/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1;

Căn cứ Nghị quyết số 238/NQ-HĐTV ngày 28/06/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán quyết toán số 367A-18/BC-XD/ĐT-VAE ngày 08/05/2018 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;





Căn cứ Báo cáo thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành ngày 31/05/2018 của Tổ thẩm tra;

Căn cứ Báo cáo kiểm tra số liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 ngày 31/05/2018 của Tổ kiểm tra số liệu quyết toán Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

- Tên dự án: Dự án nhà máy thủy điện Sông Bung 5, tỉnh Quảng Nam.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1.
- Địa điểm xây dựng: Dự án thủy điện Sông Bung 5 nằm trên sông Bung, địa điểm xây dựng công trình nằm trên hai huyện: bờ trái thuộc địa phận xã Mã Cooih, huyện Đông Giang và bờ phải thuộc thị trấn Thạch Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

- Loại, cấp công trình: cấp II theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 285:2002, tần suất lũ thiết kế 0,5% và lũ kiểm tra 0,1%.

- Quy mô đầu tư xây dựng:

- + Số tổ máy: 02 tổ;
- + Công suất lắp máy: 57 MW;
- + Công suất đảm bảo (P=90%): 13,68 MW;
- + Điện lượng trung bình năm: 208,85 triệu kWh.

- Thời gian khởi công, hoàn thành: từ 06/2009 đến 07/2013.

- Hình thức đầu tư: Xây dựng-Sở hữu-Kinh doanh (BOO).

- Tổng mức đầu tư được duyệt: 1.371.478.000.000 đồng.

- Nguồn vốn:

- + Vốn vay thương mại: 70%.

- + Vốn tự có của Chủ đầu tư: 30%.

#### **Điều 2. Kết quả đầu tư**

##### **1. Nguồn vốn đầu tư**

*Đơn vị: đồng*

| Tên nguồn vốn                                                                             | Theo Quyết định đầu tư | Thực hiện (bao gồm VAT) |                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------|
|                                                                                           |                        | Kế hoạch                | Đã thanh toán   |
| Vốn vay thương mại<br>Ngân hàng TMCP<br>Công Thương Việt<br>Nam - Chi nhánh<br>Thăng Long | 960.034.600.000        | 960.034.600.000         | 608.869.443.756 |
| Vốn đối ứng:                                                                              | 411.443.400.000        | 411.443.400.000         | 482.693.278.240 |
| - Vốn tự có                                                                               |                        |                         | 255.226.057.944 |



|                  |                          |                          |                          |
|------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Vốn khác       |                          |                          | 227.467.220.296          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>1.371.478.000.000</b> | <b>1.371.478.000.000</b> | <b>1.091.562.721.996</b> |

## 2. Chi phí đầu tư

Đơn vị: Đồng

| Tổng chi phí đầu tư theo giá trị quyết toán | Dự toán được duyệt (bao gồm cả thuế) | Giá trị bao gồm thuế VAT | Giá trị trước thuế       |
|---------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Chi phí xây dựng                         | 555.373.772.232                      | 488.163.524.103          | 443.823.896.478          |
| 2. Chi phí thiết bị                         | 501.530.100.443                      | 378.468.015.301          | 367.150.551.751          |
| 3. Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng       | 25.521.704.800                       | 22.510.121.972           | 21.533.606.409           |
| 4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng           | 62.588.548.136                       | 48.972.703.169           | 47.336.726.763           |
| 5. Chi phí quản lý dự án                    | 16.767.930.625                       | 16.764.400.473           | 16.756.795.508           |
| 6. Chi phí lãi vay                          | 142.742.303.241                      | 135.733.213.386          | 135.733.213.386          |
| 7. Chi phí khác                             | 50.434.266.637                       | 41.508.506.495           | 39.170.142.829           |
| 8. Dự phòng                                 | 12.122.163.225                       | 0                        | 0                        |
| <b>Tổng cộng</b>                            | <b>1.367.080.789.339</b>             | <b>1.132.120.484.899</b> | <b>1.071.504.933.125</b> |

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Báo cáo kiểm tra số liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 ngày 31/05/2018)

## 3. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: 422.667.420 đồng.

## 4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

- Tài sản dài hạn (cố định): 1.053.479.989.185 đồng;
- Tài sản ngắn hạn: 17.602.276.520 đồng.

Tổng cộng: 1.071.082.265.705 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 và 04 kèm theo Báo cáo kiểm tra số liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 ngày 31/05/2018)

## Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

### 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị: Đồng

| Nguồn vốn                                                                     | Số tiền                  | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------|
| Vốn vay thương mại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long | 608.869.443.756          |         |
| Vốn đối ứng:                                                                  | 482.693.278.240          |         |
| - Vốn tự có                                                                   | 255.226.057.944          |         |
| - Vốn khác                                                                    | 227.467.220.296          |         |
| <b>Tổng cộng</b>                                                              | <b>1.091.562.721.996</b> |         |



- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2018 là:  
Tổng nợ phải thu: 872.008.440 đồng.  
Tổng nợ phải trả: 41.429.771.343 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo Báo cáo kiểm tra số liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 ngày 31/05/2018)

- Thực hiện các thủ tục để thanh toán các chi phí được duyệt quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trách nhiệm của Đơn vị tiếp nhận tài sản:

- Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị: Đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản           | Tài sản cố định   | Tài sản ngắn hạn |
|----------------------------------------|-------------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 | 1.053.479.989.185 | 17.602.276.520   |

- Quản lý, vận hành, khai thác theo đúng quy định, đảm bảo hiệu quả của Dự án đầu tư.

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan

Phòng Tài chính - Kế toán Công ty có trách nhiệm thực hiện việc hạch toán và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo đúng các quy định của Nhà nước và Bộ Xây dựng về quản lý đầu tư xây dựng công trình, các quy định về quản lý tài chính và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

**Điều 4.** Tổng Giám đốc, Trưởng Ban quản lý Dự án thủy điện Sông Bung 5, Trưởng phòng Tài chính-Kế toán và Trưởng đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Phạm Nguyên Hùng